

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân:

1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông: Nguyễn Xuân Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận – Thư ký Tòa án ND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Giáp Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST- HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1 – Bị cáo: **Tạ Hồng S** (Tên gọi khác: Không có) - sinh năm 1997 tại: Xã Đ, huyện S, Thành phố Hà Nội;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ X, huyện S, Thành phố Hà Nội;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ph; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không có;

Tiền án: Bản án số 144/HSST ngày 21/9/2016 Tòa án nhân dân huyện S TP Hà Nội xử phạt S 07 triệu đồng về tội đánh bạc và 200.000đ án phí HSST. (Chưa thi hành án).

Bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại,(Có mặt tại phiên tòa).

2 – Bị cáo: **Nguyễn Văn H** (Tên gọi khác: Không có) - sinh năm 1992 tại: Xã Đ X, huyện S, Thành phố Hà Nội;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T T, xã Đ X, huyện S, Thành phố Hà Nội;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị S; Có vợ là: Lê Thị Tr và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Bản án số 37/HSST ngày 08/4/2009 Tòa án nhân dân huyện Sóc S, TP Hà Nội xử phạt H 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng 24 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” (Trị giá là 19.000.000đồng). Đã chấp hành xong 50.000 đồng án phí HSST ngày 15/7/2009.

Bản án số 54/HSST ngày 30/8/2012 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt H 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2012 về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá 9.500.000đ). Miễn án phí.

Bản án số 150/HSST ngày 12/9/2013 Tòa án nhân dân huyện S, TP Hà Nội xử phạt H 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá 11.360.000đ). Tổng hợp với bản án số 54 là 02 năm 4 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2012. Đã chấp hành xong án phí HSST là 13/9/2013, hình phạt tù ngày 19/9/2014.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1980 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã M Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh **Đặng Văn H** - sinh năm 1976 (Xin vắng mặt) ;

Địa chỉ: Thôn G, xã M Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị A – sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã M Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- *Người tham gia tố tụng khác:* Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau về hành vi phạm tội của các bị cáo Tạ Hồng S, bị cáo Nguyễn Văn H đã thực hiện:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/9/2017, Tạ Hồng S - Sinh năm 1997; Ở thôn T, xã Đ X, huyện Sóc S, TP Hà Nội, có điện thoại cho Nguyễn Văn H – Sinh năm 1992; Ở thôn T (Cùng xã với S), hỏi có đi trộm cắp không? H đồng ý. Khoảng 15 phút sau S đi xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, đồ đeo biển kiểm soát 29S6-098.83 đến nhà Nguyễn Văn H để đón H. S giao xe mô tô cho H điều khiển, khi lên xe S bảo H đi về tỉnh Bắc Giang, đi qua thôn L, xã K L, huyện S, nếu gặp chiếc xe nào cấm thi khóa ở xe thì lấy, sau đó H điều khiển xe về hướng Thôn L, khi đi đến cầu Đò Lo thuộc Thôn L. S bảo H đi qua cầu rồi rẽ trái đi lên đường đê hướng

về huyện H, tỉnh Bắc Giang. S và H đi thẳng đường đê khoảng 01 giờ đồng hồ. Khoảng 08 giờ 40 phút đến 08 giờ 45 phút thì H điều khiển xe mô tô đến khu vực bờ đê thuộc thôn G, xã M Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. S phát hiện có 01 chiếc xe Hon da Drem màu nâu dựng ở giữa đường bê tông đi từ trên đê xuống cánh đồng (Cách đê khoảng 20 mét). S và H quan sát thấy cách đó khoảng 30 mét có một người phụ nữ đang lấy rau, không để ý gì đến chiếc xe, S bảo H điều khiển xe đi về phía chiếc xe Drem. H đã điều khiển xe đi xuống đường bê tông (Phía bên trái hướng đi của S và H). H điều khiển xe mô tô đi chậm qua chiếc xe Drem để quan sát, khi đến gần chiếc xe thì người phụ nữ nhìn về phía S và H. H tiếp tục điều khiển xe mà không dừng lại. Đi qua chiếc xe Drem khoảng 10 mét, thì người phụ nữ không nhìn S và H nữa rồi tiếp tục lấy rau. Thấy vậy S bảo H dừng xe lại, để S xuống xe, S đi bộ quay lại phía chiếc xe Drem, H cũng quay đầu xe về hướng đê sông Cầu để đợi S và quan sát, cảnh giới cho S thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe. Chiếc xe Drem lúc này dựng chân chống song song với đường, đuôi xe hướng về phía đê, chiếc xe không có ai trông coi. S tiến đến đứng ở bên trái xe, S đã dùng chìa khóa xe mang theo được chuẩn bị từ trước và dùng tay phải tra chìa khóa vào ổ khóa, để S mở khóa xe, sau đó S quay xe ngược lại, cho đầu xe hướng về phía đê, S ngồi lên xe và đề nổ máy chiếc xe Drem BKS 98D1.150.34 màu nâu. S điều khiển xe mô tô này lên đê rồi rẽ trái và chạy thẳng. Thấy vậy H cũng điều khiển xe mô tô BKS 29S6- 098.83 chạy theo S. Chiếc xe mà S và H trộm cắp được đăng ký mang tên anh Đặng Văn H - sinh năm 1976. Do buổi sáng ngày 24/9/2017 chị Nguyễn Thị L (là vợ anh H) trú tại thôn G, xã M Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang mang đi làm. Ngay sau khi S lấy trộm chiếc xe Drem thì chị Nguyễn Thị A - sinh năm 1979, là người cùng thôn với chị L đang hái rau ở gần đó phát hiện và nói "xe của ai mà chúng mày đi", S vẫn lấy xe và bỏ chạy, nhưng không có ai đuổi theo. Chị L đã chạy về nhà nói cho chồng là anh H biết, anh H đã sử dụng xe mô tô đuổi theo nhưng không đuổi kịp S và H, anh H đã quay lại hỏi về đặc điểm hai thanh niên vừa trộm xe của vợ là chị L, anh H điện thoại nhờ người quen ở xã M T chặn bắt.

S và H sau khi lấy được xe và điều khiển xe bỏ chạy được khoảng 02 km đến 03km. Khi đến địa phận xã M T, huyện H, thì thấy phía trước, trên bờ đê có nhiều người chặn đường và hô hoán, nên cả hai đã bỏ 02 chiếc xe mô tô lại và chạy vào khu vực nhà dân. Đến khoảng 10 giờ thì bị quần chúng nhân dân bắt giữ được cả S và H, rồi đưa cả hai về Nhà văn hóa thôn X G, xã M T, huyện H cùng vật chứng là 02 chiếc xe mô tô mà S và H điều khiển (Trong đó có chiếc xe mô tô S vừa lấy trộm được của chị L có BKS 98D1.150.34). Tại đây, H và S đã viết đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Dream đã nêu trên, đồng thời H giao nộp 01 xe mô tô Exciter đeo biển kiểm soát 29S6-098.83; S giao nộp: 01 điện thoại Nokia màu xanh; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM đều mang tên S (trong tài khoản thẻ không có tiền) và 01 dây chuyền bạc. Cùng ngày, Công an xã M T đã bàn giao H và S cùng tang vật về Công an huyện H để điều tra xử lý. Quá trình điều tra, H và S khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô 98D1-150.34. Riêng chùm chìa khóa mà S mang đi để mở khóa xe mô tô, đã bị rơi trên đường S bỏ chạy không thu giữ được.

Ngày 24 tháng 9 năm 2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra quyết định trưng cầu định giá tài sản là chiếc xe mô tô 98D1- 150.34 mà H và S đã trộm cắp của chị L. Ngày 27/9/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 98D1-150.34 trị giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng chẵn).

Ngày 24/10/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đặng Văn H (Do chị L ủy quyền nhận lại). Anh H, chị L không yêu cầu bồi thường dân sự, mà chỉ đề nghị xử lý nghiêm đối với H và S về hành vi trộm cắp tài sản theo quy định của pháp luật.

Về chiếc xe mô tô Exciter nhãn hiệu Yamaha màu đen, đỏ đeo Biển kiểm soát 29S6-098.83 mà S và H sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở địa bàn huyện H. Là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 18/9/2017 ở huyện Mê Linh, TP Hà Nội mà Công an huyện Mê Linh đang điều tra. Người bị hại là anh Nguyễn Thế A - sinh năm 1991, ở H L, huyện M L, TP Hà Nội bị mất chiếc xe mô tô Exciter nhãn hiệu Yamaha màu đen, đỏ Biển kiểm soát 29Z1-040.67 (đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Thế A).

Chiếc xe mô tô này Tạ Hồng S khai: ngày 19/9/2017, S mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với giá 5.000.000đồng (Không có giấy tờ xe) để sử dụng để đi lại. S không trộm cắp và không tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan về vụ án đến Cơ quan điều tra Công an huyện M L, TP Hà Nội để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 07/12/2017 Cơ quan Công an huyện H trả lại anh Nguyễn Thế A chiếc xe mô tô này. Riêng chiếc biển kiểm soát 29S6-098.83 Cơ quan điều tra Công an huyện H đã trưng cầu giám định và xác định không phải là xe vật chứng vật chứng, nên tiếp tục tạm giữ để xử lý.

Trong quá trình quần chúng nhân dân vây bắt, Nguyễn Văn H và Tạ Hồng S bị đánh gây thương tích. Cơ quan điều tra không chứng minh được đối tượng gây thương tích cho H và S. Bản thân H và S cũng không đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Lời khai của chị Nguyễn Thị L – là bị hại; Của anh H – Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Điều khai nhận như sau: Chiếc xe Drem BKS 98D1.150.34 là của vợ chồng mua từ năm 2012 với giá 19.000.000đồng, đứng tên đăng ký xe là anh Đặng Văn H, Buổi sáng ngày 24/9/2017 chị Liên đi ra đồng thuộc thôn G thì bị hai thanh niên bị bắt ở M T lấy trộm. Khi được vợ Anh báo mất trộm xe. Anh đi xe mô tô đuổi theo hướng bờ đê đi xã X C, nhưng không đuổi kịp. Anh H đã quay lại hỏi đặc điểm của hai thanh niên trộm cắp xe và điện thoại nhờ người ở xã M T chặn bắt. Anh H đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường về dân sự. Chị L, anh H đều đề nghị xử nghiêm theo pháp luật đối với S và H.

Lời khai của chị Nguyễn Thị A – Là người làm chứng trong vụ án trình bày: Khoảng 09 giờ ngày 24/9/2017 chị đi xe mô tô Hon Da nhãn hiệu Lead ra đồng

thôn G, xã M Đ để hái rau. Chị để xe trên bờ và xuống ruộng rau cách chỗ Chị hái rau khoảng 20 mét, cách xe của chị L khoảng 30 mét, Chị hái rau được khoảng 05 phút thì thấy hai thanh niên đi xe mô tô không biết loại xe gì từ bờ đê xuống, đi qua xe của Chị và xe của chị L thì đến đoạn đường cụt, Chị thấy hai thanh niên quay lại đi lên đê, rồi một lúc lại đi quay lại đỗ xe sát với xe của chị L, người thanh niên ngồi sau xe xuống xe, Chị tiếp tục hái rau, sau đó chị thấy thanh niên ngồi sau quay xe của chị L lại và đang mở khóa xe, thấy vậy chị đã nói với hai thanh niên “Sao mày lại lấy xe”, khi Chị nói xong thì thanh niên đó đã mở khóa xe và ngồi lên xe nổ máy chạy đi lên phía bờ đê, thanh niên còn lại cũng nổ máy chạy theo về hướng cầu Vát. Chị đã hô to “Xe của ai bị mất trộm”. Mọi người đi làm đồng chạy lên đê để thông báo cho những người khác cùng biết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay: Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến gì đối với kết luận giám định ở trên. Hai bị cáo S và H thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe Drem BKS 98D1.150.34 và bị bắt quả tang. Về chiếc điện thoại Nokia, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM mang tên Tạ Hồng S và 01 sợi dây kim loại màu bạc, Bị cáo S có ý kiến được xin lại.

Bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Tạ Hồng S và Nguyễn Văn H và Tạ Hồng S ra trước Tòa án nhân dân huyện H, để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tạ Hồng S, bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Tạ Hồng S từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 388; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/9/2017.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. :

Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 29S6.098.83; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia màu xanh;

Trả lại bị cáo S 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Tạ Hồng S; 01 thẻ ATM mang tên Tạ Hồng S;

Trả lại Tạ Hồng S 01 sợi dây chuyền kim loại màu bạc, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo có lời nói sau cùng:

Bị cáo S: Không có ý kiến gì;

Bị cáo H: Xin Hội đồng xét xử xem xét ở mức án nhẹ nhất để sớm được về với gia đình, bị cáo H xin lỗi bị hại

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1- Về tố tụng: Bị hại là chị Nguyễn Thị L; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn H, đã đ-ợc Tòa án triệu tập nhưng xin vắng mặt tại phiên tòa; Người làm chứng chị Nguyễn Thị A đã được Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa, nh- ng tr- ớc đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đối chiếu với Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn Quyết định tiếp tục phiên tòa.

2 - Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 3 Bộ luật hình sự, thì sau khi tiếp nhận đối tượng phạm tội là Tạ Hồng S cùng phương tiện mà các đối tượng sử dụng là vật chứng có liên quan đến một vụ án khác, Cơ quan Điều tra và Viện Kiểm sát không tích cực đấu tranh làm rõ về chiếc xe mô tô mà S đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, đề xử lý theo quy định của Pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không thể xem xét xử lý hành vi của bị cáo S trong vụ án này được. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

3 - Các bị cáo đều khai nhận: Khoảng hơn 07 giờ 30 phút ngày 24/9/2017, Tạ Hồng S có điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn H – sinh năm 1992 ở thôn T T (Cùng xã với S) để thống nhất về việc đi trộm cắp. Được sự đồng ý của bị cáo H. Nên bị cáo S đã đi xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, đồ đeo biển kiểm soát 29S6-098.83 đến nhà bị cáo Nguyễn Văn H, để đón H. Bị cáo S giao xe mô tô cho bị cáo H điều khiển, khi lên xe S bảo H đi về Bắc Giang cả hai đi qua Thôn L, xã K L, huyện S, các bị cáo đi qua cầu Đò Lo thuộc Thôn L, xã K L, huyện S để đi về hướng huyện H, tỉnh Bắc Giang. S và H sau khi sang sông Cầu thuộc địa phận huyện H. Các bị cáo đi theo đường đê đến khu vực bờ đê thuộc thôn G, xã M Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo S phát hiện có 01 chiếc xe Hon da Drem màu nâu

dựng ở giữa đường bê tông, theo hướng đi từ trên đê xuống cánh đồng (Cách đê khoảng 20 mét). S và H quan sát thấy không có người trông coi, S bảo H điều khiển xe đi về phía chiếc xe Hoda nhãn hiệu Drem. Biển kiểm soát 98D1.150.34. Lợi dụng sự sơ hở của người dân, Bị cáo S đã dùng chìa khóa xe mang theo được chuẩn bị từ trước và dùng tay phải tra chìa khóa vào ổ khóa, để xe mở khóa xe, sau đó S tác động quay xe ngược lại cho đầu xe hướng về phía đê, rồi bị cáo S ngồi lên xe đê nổ máy xe Drem BKS 98D1.150.34. Bị cáo S điều khiển xe lên đê và rẽ trái để chạy trốn. Mặc dù S và H biết rõ đang bị đuổi bắt, nhưng không dừng lại, sau khi bị bắt giữ cùng vật chứng vụ án. Bị cáo S và bị cáo H đều có đơn xin đầu thú. Việc đầu thú của S và H khi đã bị bắt, cùng vật chứng trong vụ “ Trộm cắp tài sản” mà các đối tượng đã thừa nhận khi bị bắt. Do vậy việc xin đầu thú của S và H mà Cán bộ Công an huyện lập không đúng quy định của Pháp luật, nên không được chấp nhận là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tạ Hồng S và bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã nêu. Các bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng số 06/KSĐT ngày 10/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, vật chứng là chiếc xe mô tô Honda đeo BKS 98D1-150.34 đã bị thu hồi và trả lại cho người bị hại, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, với mục đích chiếm đoạt để bán để bán lấy tiền chi tiêu. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 17.000.000đồng (Mười bảy triệu đồng).

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi phạm tội của các bị cáo Tạ Hồng S, bị cáo Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “ Trộm cắp tài sản” được quy định Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Tạ Hồng S, Nguyễn Văn H ra tr- ớc Tòa án hôm nay là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, sau khi trộm cắp được tài sản, các bị cáo đã thấy việc mình làm là vi phạm pháp luật, sau khi bị nhân dân bắt giữ, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo S trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này đã bị Tòa án xử phạt với hình phạt chính là phạt tiền về hành vi đánh bạc và phải chịu án phí, nhưng bị cáo chưa chấp hành, Vì vậy hành vi trộm cắp tài sản

trong vụ án này, bị cáo S bị xác định là tái phạm quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS

Trong vụ án này bị cáo Tạ Hồng S có vai trò chính, vừa là người đề xướng và rủ rê lôi kéo bị cáo H cùng phạm tội, vừa là người tích cực trong việc thực hiện hành vi tội phạm, trước đó bị cáo đã bị xử về hành vi đánh bạc, bị cáo không lấy đó để làm bài học cho bản thân, để rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội, nay lại tiếp tục có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn H đã nhiều lần bị kết tội về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nhưng không tự rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho xã hội, điều đó chứng tỏ các bị cáo rất lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn hưởng thụ cho bản thân mình. Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, buộc bị các phải cải tạo trong trại giam là phù hợp quy định tại Điều 33 Bộ luật hình sự.

Qua các tài liệu do cơ quan Công an thu thập và tại phiên tòa, xác định các bị cáo không có thu nhập ổn định. Bị cáo S đang sinh sống cùng bố mẹ, bị cáo H có 02 con còn nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu đ-ợc pháp luật bảo vệ, các bị cáo rất coi thường pháp luật, ngang nhiên thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác giữa ban ngày, khi thấy tài sản của người khác để sơ hở, là bị cáo thực hiện ngay hành vi trộm cắp tài sản của họ.

Thời gian gần đây trên địa bàn huyện H thường xuyên xảy ra việc trộm cắp tài sản của người dân là nhất là xe mô tô, Các bị cáo trộm cắp đã gây nên sự hoang mang cho nhân dân tại địa phương, vì vậy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Tạ Hồng S, bị cáo Nguyễn Văn H không những làm ảnh h-ởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa ph-ơng, mà còn làm tăng sự hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm người dân không tin tưởng vào pháp luật. Bị hại trong vụ án cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường về dân sự, nhưng yêu cầu xử lý nghiêm theo pháp luật đối với các bị cáo, vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo đối với xã hội một thời gian nhất định, thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị L đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Drem màu nâu, BKS 98D1.150.34 do các bị cáo trộm cắp, chị L, anh H không có yêu cầu bồi th-ờng gì về tài sản, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo S, Bị cáo H ra tr-ớc Tòa án hôm nay là đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi Trộm cắp tài sản

Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện H về hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm a, Khoản 2 ; điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, để xử lý vật chứng;

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Bị hại, ng-ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tạ Hồng S, bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138 ; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Tạ Hồng S 18(Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138 ; Điểm p Khoản 1, Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (Mười năm) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 24/9/2017).

2 - Về vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; các điểm a Khoản 2; Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh.

Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát xe: 29S6.098.83;

Trả lại bị cáo Tạ Hồng S 01 dây chuyền kim loại màu bạc. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

Trả lại bị cáo Tạ Hồng S: 01 chứng minh nhân dân mang tên Tạ Hồng S; 01 thẻ ATM đứng tên Tạ Hồng S;

3 - Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Tạ Hồng S; Bị cáo Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng(Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4 - Về quyền kháng cáo: Căn cứ Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát H;
- Bị cáo;
- Chi cục T.H.A H;
- Công an H;
- L- u hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Hoan